

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HÀ NỘI

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, Khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân & Gia đình;

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 765/2026/TLST-việcHNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2026, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những Người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Anh Nguyễn Văn S; Sinh năm 1986; CCCD do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH – Bộ Công an cấp; Địa chỉ nơi ở: Số 104 phố MTT, Tổ dân phố số 2 MTT, phường TL, thành phố H;

2. Chị Nguyễn Thị N; Sinh năm 1987; CCCD do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH – Bộ Công an cấp; Nơi đăng ký HKTT và địa chỉ nơi ở: Tổ dân phố 1 MTT, phường TL, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 02/12/2020 tại UBND phường MT, quận NTL, nay là phường TL, thành phố H. Quá trình sống chung, anh S và chị N sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Anh S và chị N đã nhiều lần hoà giải và tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vì lý do cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, anh S và chị N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh S và chị N có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 07/7/2020. Khi ly hôn, anh S và chị N thỏa thuận: Chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A cho đến khi con tròn 18 tuổi

hoặc đến khi có sự thay đổi khác; Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh S và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị N tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân & Gia đình.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10/6/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. **Về hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn;

1.2. **Về con chung:** Anh S và chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 07/7/2020. Khi ly hôn: Chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A cho đến khi con tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

1.4. **Về tài sản chung và nợ chung:** Anh S và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình. Ghi nhận chị N đã nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí sơ thẩm tại Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 4 – Hà Nội, nay chuyển thành lệ phí. Chị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4 - H;
- Phòng THADS KV4 - H;
- UBND P.XĐ, TP H;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Lệ Thủy

